

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-PT
Ngày 29 - 4 - 2021
“V/v Tranh chấp kiện đòi bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễnễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễnễn Thị Thu Hà;

Bà Nguyễnễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc
Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLPT- DS ngày 04 tháng 12
năm 2020 về “Tranh chấp kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020
của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2021/QĐ – PT
ngày 04 tháng 02 năm 2021, Thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng
số 79/TB-TA ngày 02/3/2021 và số 80/TB-TA ngày 01/4/2021, giữa các đương
sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Minh Y, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H,
huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Anh Trần Trung K, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh
Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của anh K: Bà Trần Thị Minh Y, sinh năm 1959
(Theo Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 3 năm 2021 của anh Trần Trung K), “có
mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Minh Y: Bà Lê Thị O, sinh năm 1977, Luật sư Văn phòng luật sư H, đoàn luật sư thành phố Hà Nội, “có mặt”.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà 348, đường B, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B; địa chỉ trụ sở: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, “vắng mặt”.

- Bà Dương Thị T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; đều có địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị T: Ông Phạm Tiến T, sinh năm 1991; Luật sư Văn phòng luật sư số 1 V, đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số 32A Nguyễn Trãi, phường L, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Minh Y và anh Trần Trung K - Nguyễn Văn đơn.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2018 và những lần làm việc tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 10 tháng 8 năm 2006, bà và con trai là Trần Trung K nhận chuyển nhượng quyền đầu thầu thửa đất ô số 7, tờ bản đồ 14 diện tích 21.444 m² tại khu đồng G, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc của ông Dương Văn M ở thôn V xã Q. Việc chuyển nhượng được hai bên lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Sau khi ký kết hợp đồng bà đã sử dụng, khai thác, canh tác trên thửa đất từ đó cho đến nay và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Ủy ban nhân dân xã Q. Tuyên nhiên không biết vì lý do gì ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã Q mặc dù chưa thanh lý hợp đồng với bà đã ký hợp đồng giao thầu khu đất G nêu trên cho vợ chồng bà Dương Thị T, ông Nguyễn Văn H. Ngày 27, 28 tháng 01 năm 2018, vợ chồng bà T, H đã thuê người đưa máy ủi đến phá hoại hoa màu, cây trồng do bà trồng trên đất gây thiệt hại số tiền 297.490.000 đồng.

Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết Hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa Ủy ban nhân dân xã Q và bà Dương Thị

T; buộc Ủy ban nhân dân xã Q tiếp tục để bà và anh Trần Trung K được sử dụng, canh tác trên diện tích đất 21.444 m² nêu trên; buộc Ủy ban nhân dân xã Q, bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền là 297.490.000 đồng theo kỷ phần Ủy ban nhân dân xã Q 50%, vợ chồng ông bà T, H 50%.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, bị đơn là Ủy ban nhân dân xã Q trình bày: Ông Dương Văn M là xã viên hợp tác xã nông nghiệp Q nên từ năm 1994 Hợp tác xã đã giao thầu đất hoang hóa thửa đất ô số 7, tờ bản đồ 14 diện tích 21.444 m² tại khu đồng G, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cho ông M sử dụng, canh tác với thời hạn 13 năm. Năm 2005, do ông M tiếp tục có nhu cầu sử dụng diện tích đất nêu trên nên Ủy ban nhân dân xã Q và ông Dương Văn M đã ký hợp đồng giao thầu đất quỹ 2 và tiếp tục ký lại vào các năm 2009 và 2014, thời hạn của hợp đồng giao thầu là 05 năm, hết hạn vào năm 2019. Quá trình sử dụng đất, ông M không trực tiếp sản xuất, canh tác trên đất mà giao lại cho bà Trần Thị Minh Y và anh Trần Trung K (là con trai bà Y) sử dụng, canh tác. Do quá trình sử dụng, bà Y đã nhiều lần tự ý khai thác đất không được sự đồng ý Ủy ban nên ngày 15 tháng 6 năm 2016 Ủy ban xã Q và ông M đã thanh lý trước thời hạn hợp đồng giao thầu và ngày 20 tháng 6 năm 2016 Ủy ban xã Q đã có văn bản số 73/TB-UBND yêu cầu ông M và bà Y thu dọn tài sản trên đất, tháo dỡ công trình trả lại hiện trạng đất trước ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ủy ban xã Q đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu bà Y thu dọn tài sản tuy nhiên bà Y không thực hiện. Ngày 30 tháng 12 năm 2016, thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Q đã ký hợp đồng giao thầu diện tích đất nêu trên cho bà Dương Thị T ở thôn Vải, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Ủy ban. Khi tiến hành bàn giao đất cho bà T sử dụng, bà Y đã không chịu thu dọn tài sản, tháo dỡ công trình trên đất và cản trở việc giao đất. Nay bà Y khởi kiện, quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đồng thời yêu cầu bà Y chấm dứt hành vi sử dụng đất trái phép, thu dọn tài sản trên đất, trả lại diện tích đất nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2018 và những lần làm việc tiếp theo tại Tòa án, bị đơn bà Dương Thị T trình bày: Ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà và Ủy ban nhân dân xã Q đã ký kết hợp đồng giao thầu thửa đất ô số 7, tờ bản đồ 14 diện tích 21.444 m² tại khu đồng G, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với thời hạn là 5 năm, bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính theo hợp đồng. Tuy nhiên, khi tiến hành bàn giao đất, bà Y đã không chịu thu dọn tài sản, tháo dỡ công trình trên đất và cản trở việc giao đất dẫn đến việc đã gây thiệt hại cho gia đình bà. Nay bà Y khởi kiện, quan điểm của bị đơn bà Dương Thị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời yêu cầu bà Y chấm dứt

hành vi sử dụng đất trái phép, thu dọn tài sản trên đất, trả lại diện tích đất nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có thuê máy ủi đến để giải phóng mặt bằng tuyến nhiên khi đến nơi trên đất không có tài sản gì vì vậy không đồng ý bồi thường cho bà Y.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh Y đối với bị đơn là Ủy ban nhân dân xã Q, bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 297.490.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) do tài sản bị xâm phạm.

Đình chỉ đối với yêu cầu hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa Ủy ban nhân dân xã Q và bà Dương Thị T và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã Q tiếp tục để bà và anh Trần Trung K được sử dụng, canh tác trên diện tích đất 21.444 m². Bà Trần Thị Minh Y có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác riêng biệt.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/8/2020 bà Trần Thị Minh Y và anh Trần Trung K là nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm do không xem xét đầy đủ các quan hệ pháp luật tranh chấp và đề nghị tiến hành định giá tài sản do đó sửa một phần bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo trị giá tài sản bị thiệt hại sau khi định giá tài sản.

Ngày 07/8/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quyết định kháng nghị số 411/QĐKN-VKSBX kháng nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Vi phạm trong việc đình chỉ đối với yêu cầu hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa Ủy ban nhân dân xã Q và bà Dương Thị T; vi phạm trong việc thu thập chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 30/12/2016 của UBND xã Q và bà Dương Thị T làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà Y; vi phạm trong việc thu thập chứng cứ như không lấy lời khai người làm chứng, không thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bị thiệt hại theo thủ tục tố tụng dân sự nên không có căn cứ để xác định cụ thể tài sản bị thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Minh Y trình bày quan điểm:

Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đúng pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định, định giá tài sản là vi phạm việc thu thập, đánh giá chứng cứ, việc sử dụng kết quả định giá theo thủ tục tố tụng hình sự để giải quyết dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người làm thuê phá hoại tài sản tham gia tố tụng để làm rõ vụ án là sai luật. Đồng tình với quan điểm kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị T trình bày quan điểm: Không chấp nhận bồi thường thiệt hại vì bà Y và anh K không ký hợp đồng gì với UBND xã Q; Bà Y chiếm giữ đất đấu thầu của bà T không có căn cứ mặc dù UBND xã nhiều lần yêu cầu bà Y thu dọn tài sản trên đất nhưng bà không chấp hành; việc bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu hủy hợp đồng của bà Y là đúng vì bà Y không liên quan đến hợp đồng giao thầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Minh Y, anh Trần Trung K và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong thời hạn luật định, căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Q có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết ba nội dung đó là:

+ Đề nghị Tòa án giải quyết Hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa Ủy ban nhân dân xã Q và bà Dương Thị T;

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã Q tiếp tục để bà và anh Trần Trung K được sử dụng, canh tác trên diện tích đất 21.444 m² nêu trên;

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã Q, bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền là 297.490.000 đồng theo tỷ phần Ủy ban nhân dân xã Q 50%, vợ chồng ông bà T, H 50%.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thu thập tài liệu, chứng cứ, hòa giải đối với cả ba nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, đến khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với 2 trong 3 nội dung khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là: *“Đình chỉ đối với yêu cầu hủy hợp đồng giao thầu đất G ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa Ủy ban nhân dân xã Q và bà Dương Thị T và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã Q tiếp tục để bà và anh Trần Trung K được sử dụng, canh tác trên diện tích đất 21.444 m². Bà Trần Thị Minh Y có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác riêng biệt”*. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự mà không nhận định rõ lý do trong bản án, phần quyết định không áp dụng bất cứ điều luật nào liên quan đến đình chỉ. Đối chiếu với Điều 217, Điều 244... Bộ luật tố tụng dân sự thì việc đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng với bất kỳ qui định tại điểm, khoản nào của điều luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ pháp lý, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, không cho tiến hành định giá tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự, sử dụng kết quả giám định của cơ quan khác trong tố tụng hình sự để giải quyết vụ án là chưa thuyết phục, chưa thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng có phần lỗi là trong quá trình tố tụng không có đơn đề nghị Tòa án định giá tài sản (khi ra phiên tòa mới đề nghị).

Những nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Những nội dung kháng cáo của nguyên đơn giống nội dung kháng nghị như đã nêu trên thì được

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Ngoài ra bản án sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm sau:

- Quyết định của bản án sơ thẩm chỉ phán quyết: “*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh Y đối với bị đơn...*” mà không phán quyết gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Trung K là chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự. Chính vì không giải quyết yêu cầu của anh K nên bản án sơ thẩm không quyết định xem anh K có phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hay không và cũng không tuyên quyền kháng cáo đối với anh K.

- Bị đơn có đơn phản tố: *Yêu cầu bà Y chấm dứt hành vi sử dụng đất trái phép, thu dọn tài sản trên đất, trả lại diện tích 21.444 m² đất....* nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu phản tố là chưa giải quyết hết nội dung vụ án. Hoặc nếu Tòa không coi đây là yêu cầu phản tố thì phải có văn bản trả lời đương sự về việc không thụ lý yêu cầu phản tố.

- Đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 có ghi người khởi kiện gồm hai người là: Bà Trần Thị Minh Y và anh Trần Trung K nhưng chỉ có bà Y ký đơn, anh K không ký đơn khởi kiện nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn thụ lý đơn là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Sau khi nhận đơn khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho bà Y nộp tạm ứng án phí mà không thông báo cho anh K nộp tạm ứng án phí (và thực tế chỉ có bà Y nộp tạm ứng án phí, anh K không nộp) nhưng vẫn thụ lý vụ án là vi phạm Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Minh Y đề nghị đưa người làm thuê phá hoại tài sản tham gia tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Việc Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên anh K, bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Minh Y và anh Trần Trung K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh Trần Trung K 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0006399 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễnễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễnễn Thị Thu Hà
Hạnh**

Nguyễnễn Thị Mỹ

Nguyễnễn Vĩnh Thành

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễnễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễnễn Thị Thu Hà
Hạnh**

Nguyễnễn Thị Mỹ

Nguyễnễn Vĩnh Thành